

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DS-ST  
Ngày 29/7/2021  
V/v “T/c HĐDS vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.  
Các Hội thẩm nhân dân:***

- 1. Ông Ngô Xuân Dệt.***
- 2. Bà Trần Thị Thúy Lợi.***

***- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.***

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1982.

**Địa chỉ:** Thôn 2, xã D, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai - Có mặt.

**Bị đơn:** Ông Võ Văn T1, sinh năm 1968 và bà Cao Thị T2, sinh năm 1974

**Địa chỉ:** Thôn 3, xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2021, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Xuân T trình bày:***

Ngày 03/6/2019, tôi có cho vợ chồng ông Võ Văn T1, bà Cao Thị T2 vay số tiền 380.000.000đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất do các bên tự thỏa thuận, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Trong đó 300.000.000đồng là để đáo hạn Ngân hàng, còn 80.000.000đồng là để chuộc lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 572399 để bỏ vào ngân hàng vay thêm, trả cho tôi, nhưng do Ngân hàng không đồng ý cho vay 380.000.000đồng mà chỉ cho vay lại 300.000.000đồng. Do vậy, ông T1 và bà T2 chỉ trả cho tôi số tiền là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), còn nợ lại số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng). Ông T1 và bà T2 đã viết giấy vay tiền và hẹn trong vòng 3 ngày sẽ

trả cho tôi số tiền trên. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng vợ chồng ông T1, bà T2 vẫn không trả cho tiền cho tôi.

Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn T1, bà Cao Thị T2 phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm (0,83%/tháng). Thời gian tính nợ lãi từ ngày 03/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2019) là:  $80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 17.175.458 \text{ đồng}$ .

***Đối với bị đơn ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2:***

Ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân T nhưng ông T1, bà T2 vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

***Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku có ý kiến như sau:***

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn ông Đinh Xuân T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Võ Văn T1, bà Cao Thị T2 việc tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng không đảm bảo.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân T, buộc ông Võ Văn T1, bà Cao Thị T2 trả cho ông Đinh Xuân T số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và nợ lãi là 17.175.458 đồng.

- Về án phí: Ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ông Đinh Xuân T khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 có địa chỉ tại Thôn 3, xã D, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định pháp luật. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Đinh Xuân T là người khởi kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 là người bị kiện, tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là ông Võ Văn T1, bà Cao Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn là ông Đinh Xuân T khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và lãi suất tính từ ngày vay 03/6/2019 đến ngày xét

xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 10%/năm (0,83/tháng). Theo giấy vay tiền đề ngày 03/6/2019. Cụ thể:  $80.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 25\text{ tháng} = 17.175.458\text{đồng}$ .

Xét thấy, tại bản gốc giấy vay tiền đề ngày 03/6/2019 có chữ ký người vay tiền Võ Văn T1, Cao Thị T2, nội dung thể hiện vợ chồng ông T1 bà T2 có vay số tiền là 380.000.000đồng, đã trả 300.000.000đồng, còn lại 80.000.000đồng, hẹn trong vòng 03 ngày sẽ trả. Giấy vay tiền này không thể hiện tên người cho vay là ai, tuy nhiên ông Đinh Xuân T là người khởi kiện, giao nộp bản gốc giấy vay tiền và thừa nhận hiện đang giữ 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 572399 do Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/5/2018 cho ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 do ông T1 bà T2 đưa làm tin. Như vậy, có cơ sở để khẳng định người cho vay tiền là ông Đinh Xuân T. Xét thỏa thuận vay tiền giữa ông T với vợ chồng ông T1 và bà T2 là hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, được giao kết tự nguyện và hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Do ông T1 và bà T2 vi phạm thỏa thuận, không trả nợ theo cam kết nên yêu cầu của ông T là có căn cứ, được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 phải trả cho ông Đinh Xuân T số tiền nợ gốc là 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

*Về nợ lãi:* Tại giấy vay tiền đề ngày 03/6/2019 thể hiện: số tiền vay là 80.000.000đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, nhưng không xác định rõ lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm ( 0,83%/tháng) là phù hợp theo quy định pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị đơn Võ Văn T1, Cao Thị T2 phải trả cho nguyên đơn Đinh Xuân T tiền nợ lãi là  $80.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 25\text{ tháng} = 17.175.458\text{đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn Võ Văn T1 và Cao Thị T2 phải trả cho nguyên đơn Đinh Xuân T là:  $80.000.000\text{đồng} + 17.175.458\text{đồng} = 97.175.458$  (Chín mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Ngoài ra, khi vay tài sản các bị đơn có đưa cho nguyên đơn 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 572399 do Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/5/2018 cho ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 giữ để làm tin. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện trả lại giấy tờ về tài sản cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí:

- Ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.858.773đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng). Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân T.

Buộc ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 phải trả cho ông Đinh Xuân T tổng số tiền là 97.175.458 (*Chín mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Đinh Xuân T về việc trả lại cho ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 572399 do Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/5/2018 cho ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2.

[2]. Về án phí:

- Ông Võ Văn T1 và bà Cao Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.858.773đồng (*Bốn triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng*).

- Hoàn trả lại cho ông Đinh Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005987 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Võ Văn T1, chị Cao Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đoàn Thị Thanh Hà**